

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27-03-2026

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Hoa Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

Ông Thạch Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Huyền Trân là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Lư Thái Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2026/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2026, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Lệ H**, sinh năm 1987; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Số căn cước: 095187006086; Nơi thường trú: Khóm G, phường H, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1976; (Vắng mặt).

Số căn cước: 084076005635; Nơi thường trú: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2026 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị **Đặng Lệ H** trình bày có nội dung:

Chị H xác lập quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn N, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 14/11/2022.

Trong quá trình chung sống có một con chung là Nguyễn Đặng Gia B, sinh ngày 07/07/2023, hiện đang sống chung với chị H. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đặng Gia B, theo như đơn khởi kiện chị H yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 1.800.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, tuy nhiên trong quá trình giải quyết chị H thay đổi yêu cầu, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống chung nhau không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể nào giải quyết cũng như hàn gắn tình cảm được, vợ chồng thường hay cự cãi, sống chung với nhau không còn hạnh phúc, chồng chị có tính gia trưởng và có hành vi ngược đãi vợ con dẫn đến mất hạnh phúc gia đình, vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 09/2025 cho đến nay. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu được ly hôn.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt không có lời trình bày.

Đối với bị đơn anh N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; triệu tập họp lệ nhưng anh N không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa xét xử, nên Tòa án không lấy lời khai của bị đơn được và bị đơn cũng không nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gì để phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H.

Vì vậy Tòa án không kết luận được những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất và không thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Lệ H được ly hôn với anh Nguyễn Văn N; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đặng Gia B, sinh ngày 07/07/2023 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn; về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên đề nghị Hội

đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Lệ H có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đúng theo quy định, bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác lập quan hệ hôn nhân với anh N và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 14/11/2022 đúng theo quy định của pháp luật, cho nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[3] Theo chị H trình bày thì trong thời gian sinh sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống chung không hòa hợp tính tình, đồng thời vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể nào giải quyết cũng như hàn gắn tình cảm, vợ chồng thường hay cự cãi, sống chung với nhau không còn hạnh phúc, chồng chị có tính gia trưởng và có hành vi ngược đãi vợ con dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng đến nhau. Chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 09/2025 cho đến nay mỗi người sống một nơi mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N đến giải quyết vụ án nhưng anh N cố tình vắng mặt không có lý do, đáng lẽ ra anh N muốn hàn gắn tình cảm với chị H thì khi Tòa án triệu tập thì anh phải có mặt để trình bày nguyện vọng của mình để Tòa án xem xét, nhưng ngược lại anh bỏ mặc, không quan tâm đến việc giải quyết vụ án thể hiện ý chí của anh xem thường, không chấp hành yêu cầu của Tòa án cũng như không quan tâm đến việc hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này với chị H. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hôn nhân của chị H, anh N đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Nguyễn Đặng Gia B, sinh ngày 07/07/2023 hiện do chị H đang nuôi dưỡng. Để đảm bảo cháu Gia B được tiếp tục phát triển về mọi mặt và cũng không làm xáo trộn cuộc sống của cháu Gia B, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu Gia B cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cũng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu anh N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.800.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã thay đổi nội dung này và xác định không yêu cầu anh N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của chị H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội; đồng thời đây là quyền tự quyết của đương sự trong việc thực hiện quyền dân sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị H, anh N tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Khi nào chị H có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về tài sản chung: Chị H khai không có, đối với anh N thì không có ý kiến gì phản đối, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị H khai không có, đối với anh N thì không có ý kiến gì phản đối, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[9] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hoà giải, đối thoại tại Toà án. Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Lệ H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Lệ H được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đặng Gia B, sinh ngày 07/07/2023 cho chị Đặng Lệ H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Lệ H không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Đặng Lệ H khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Đặng Lệ H khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Chị Đặng Lệ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001012, ngày 14/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh V; chị H đã nộp đủ án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 12 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 12 – Vĩnh Long;
- Ủy ban nhân dân xã Tam Ngãi (chứng nhận kết hôn ngày 14/11/2022);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Hoa Lan